

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 03 năm 2019



**MỤC LỤC**

**Trang**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018	2 - 3
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2018	4
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2018	5
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018	6 - 31

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.299.702.513.797</b>	<b>1.966.957.725.614</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>297.143.550.578</b>	<b>228.713.854.868</b>
1. Tiền	111		159.923.839.098	178.889.744.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		137.219.711.480	49.824.110.674
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.900.000.000</b>	<b>2.230.240.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122	5.2	(100.000.000)	(560.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	790.240.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>928.844.846.549</b>	<b>776.590.477.845</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	786.831.498.142	640.947.781.748
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		68.109.646.851	72.589.484.999
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4a	73.832.525.468	64.265.329.424
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137		-	(1.281.203.571)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		71.176.088	69.085.245
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.5	<b>966.406.698.351</b>	<b>891.252.698.714</b>
1. Hàng tồn kho	141		970.050.972.088	894.423.052.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(3.644.273.737)	(3.170.353.574)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>105.407.418.319</b>	<b>68.170.454.187</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29.140.314.889	17.859.467.421
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		66.815.064.447	44.172.222.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	9.429.038.983	6.138.764.614
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		23.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.088.462.070.749</b>	<b>1.156.445.690.696</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23.506.894.376</b>	<b>56.774.614.822</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4b	23.506.894.376	56.774.614.822
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>844.446.054.881</b>	<b>859.505.042.480</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	813.592.774.705	824.494.733.293
- Nguyên giá	222		1.632.463.520.875	1.571.574.363.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(818.870.746.170)	(747.079.629.876)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	30.853.280.176	35.010.309.187
- Nguyên giá	228		53.753.229.854	52.858.296.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.899.949.678)	(17.847.987.107)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>29.370.121.823</b>	<b>44.741.751.201</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.370.121.823	44.741.751.201
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.8	<b>103.176.107.426</b>	<b>109.623.003.112</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		73.124.459.957	73.027.389.727
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.051.647.469	32.595.613.385
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.000.000.000)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	4.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>87.962.892.244</b>	<b>85.801.279.081</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		87.962.892.244	85.801.279.081
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.388.164.584.546</b>	<b>3.123.403.416.310</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.951.014.822.574</b>	<b>2.726.180.092.640</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.545.191.728.002</b>	<b>2.331.654.315.591</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	394.689.743.561	358.776.884.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.525.262.596	32.094.341.110
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	31.490.200.364	23.588.959.401
4. Phải trả người lao động	314		292.380.710.496	188.098.410.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	32.505.474.903	47.920.727.717
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.183.340.727	12.054.922.758
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	59.828.443.166	60.723.297.177
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13a	1.662.001.036.626	1.540.696.242.942
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	39.860.750.361
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		29.587.515.563	27.839.778.597
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>405.823.094.572</b>	<b>394.525.777.049</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		1.464.192.588	1.023.054.500
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		17.705.531.814	14.500.372.031
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		46.991.664.479	22.869.583.121
4. Phải trả dài hạn khác	337		3.885.580.092	4.794.960.183
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13b	335.776.125.599	346.242.839.149
6. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	3.470.000.000
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.624.968.065
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>437.149.761.972</b>	<b>397.223.323.671</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>437.149.761.972</b>	<b>397.223.323.671</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.401.478.034	45.674.075.645
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.234.871.636	63.332.954.145
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		41.329.587.618	43.458.329.550
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.905.284.018	19.874.624.595
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		114.513.412.302	106.216.293.881
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.388.164.584.546</b>	<b>3.123.403.416.310</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập



**Đặng Minh Tuyên**

Trưởng phòng kế toán



**Huỳnh Văn Phát**

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Ngọc Lân**



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.820.541.892.549	2.260.677.349.945	4.955.298.353.656	4.229.682.276.253
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.702.584.826	7.023.657.500	23.046.464.706	12.664.916.056
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.16	2.805.839.307.723	2.253.653.692.445	4.932.251.888.950	4.217.017.360.197
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	2.260.106.818.490	1.776.932.063.458	3.952.103.180.303	3.344.842.953.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		545.732.489.233	476.721.628.987	980.148.708.647	872.174.407.142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	52.142.951.208	12.191.282.102	64.358.038.299	25.637.795.252
7. Chi phí tài chính	22	5.19	97.767.133.706	38.951.796.428	145.098.397.813	70.571.779.430
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.251.094.151	31.615.429.014	81.580.498.550	57.459.836.189
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		1.709.174.168	5.968.086.532	1.996.631.987	8.124.840.323
9. Chi phí bán hàng	25	5.20	204.997.434.165	194.689.827.395	365.853.049.977	342.129.300.493
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	223.839.978.710	226.891.528.573	431.999.340.512	422.992.281.461
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72.980.068.029	34.347.845.225	103.552.590.631	70.243.681.333
12. Thu nhập khác	31		15.398.409.764	17.042.295.864	23.247.637.867	26.939.009.796
13. Chi phí khác	32		7.067.825.434	4.327.486.652	9.987.844.558	10.835.962.704
14. Lợi nhuận khác	40	5.22	8.330.584.330	12.714.809.212	13.259.793.309	16.103.047.092
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.310.652.359	47.062.654.437	116.812.383.940	86.346.728.425
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		18.999.138.968	14.625.445.551	31.271.837.175	26.337.799.253
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	1.624.968.065	(1.624.968.065)	1.624.968.065
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.311.513.390	30.812.240.821	87.165.514.830	58.383.961.107
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		52.445.672.368	29.262.402.291	74.639.878.440	52.820.555.379
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.865.841.022	1.549.838.530	12.525.636.390	5.563.405.728
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	2.548	1.259	3.444	2.252

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập



**Đặng Minh Tuyền**

Trưởng phòng kế toán



**Huỳnh Văn Phát**

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Ngọc Lân**

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu B 03-DN/HN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		116.812.383.940	86.346.728.425
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>215.377.609.807</b>	<b>120.914.144.581</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02		123.603.257.038	118.580.238.336
- Các khoản dự phòng	03		43.593.466.953	(756.811.496)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	426.662.717
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.399.612.734)	(54.795.781.166)
- Chi phí lãi vay	06		81.580.498.550	57.459.836.189
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>332.189.993.747</b>	<b>207.260.873.005</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(143.661.561.351)	(303.160.802.771)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(75.627.919.800)	10.653.269.381
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		45.262.220.317	(3.645.956.145)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13.442.460.631)	(9.416.992.923)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(81.580.498.550)	(62.620.441.158)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.177.093.613)	(29.596.433.103)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	50.529.093
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.659.362.509)	(21.121.480.302)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24.303.317.610</b>	<b>(211.597.434.923)</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(46.412.461.888)	(239.081.036.131)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		959.774.546	80.086.831.085
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	8.535.754.445
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		790.240.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.053.104.314)	(16.122.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.439.838.188	26.982.778.869
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(13.275.713.468)</b>	<b>(139.597.671.732)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	19.567.929.934
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(685.320.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.314.192.085.677	3.637.158.739.022
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.203.354.005.543)	(3.174.552.448.235)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(53.435.988.567)	(65.408.204.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>57.402.091.567</b>	<b>416.080.696.695</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>68.429.695.709</b>	<b>64.885.590.039</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>228.713.854.868</b>	<b>163.402.922.102</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>297.143.550.578</b>	<b>228.288.512.141</b>

Người lập



**Đặng Minh Tuyên**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Trưởng phòng kế toán



**Huỳnh Văn Phát**

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Ngọc Lân**



# TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 08 tháng 09 năm 2015.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

**Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.**

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/09/2018: 4.891 người

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

#### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

##### *Danh sách các công ty con được hợp nhất*

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần May Gia Lai  
Địa chỉ : Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, Yên Đỗ, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.  
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 51%  
Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 51%
- Tên Công ty : Công ty Cổ phần May Đà Lạt  
Địa chỉ : Số 9, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.  
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 55%  
Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 55%

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Định
Địa chỉ	: Số 105 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,84%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,84%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May An Nhơn
Địa chỉ	: Số 71 Nguyễn Đình Chiểu, P.Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 45,90%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Tam Quan
Địa chỉ	: <b>Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, Bình Định</b>
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 58,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 204 Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,00%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,00%
Tên Công ty	: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè
Địa chỉ	: <b>Cụm công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam</b>
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 70%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 70%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Gia Phúc
Địa chỉ	: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, Tp. HCM
<b>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</b>	<b>: 87,50%</b>
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 87,50%
Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang
Địa chỉ	: <b>Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam</b>
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 55,56%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 55,56%
Tên Công ty	: Công ty CP May Đức Linh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Khu phố 1, Thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 62,55%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 60,00%
Tên Công ty	: Công ty CP Bất động sản Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 51,57%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 51,57%



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC
Địa chỉ	: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã La Gi, Bình Thuận.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 59,10%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 45,43%

***Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất***

Tên Công ty	: Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 28,58%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 28,58%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 33,19%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 33,19%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May 9
Địa chỉ	: Số 215, Hàng Thao, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 26,78%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 26,78%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè
Địa chỉ	: 139 Trần Trọng Cung, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 30%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 30%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè
Địa chỉ	: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 29,99%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 29,99%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Sông Tiền
Địa chỉ	: Ấp Bình Tạo, Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 43,89%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 43,89%

Tên Công ty	: Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa
Địa chỉ	: Lô A8, Cụm Công nghiệp La Hà, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	: 25%
Quyền biểu quyết Công ty mẹ	: 25%

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần May Nhà Bè – Sóc Trăng
Địa chỉ	: Quốc lộ 60, Phường 7, Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng.

## TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 36%

Quyền biểu quyết Công ty mẹ : 36%

#### Các đơn vị phụ thuộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hà Nội (Đồng phục)

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Nam Định

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh UK

#### 1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

#### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:



Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **4.2. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

#### **4.3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/09/2018.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/09/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03



tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**4.6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4.7. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực

# TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### 4.8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

#### a. Nguyên tắc kế toán

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

##### Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2018</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 – 07
Tài sản cố định vô hình	
	<u>Năm 2018</u>
	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

### 4.9. Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.



**4.11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

**4.12. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**4.14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

**4.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**4.16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**4.17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

**4.18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**4.19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**4.20. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**4.21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**4.22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

#### **4.23. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh hợp nhất doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### **4.25. Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con, các Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

#### **4.26. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động chủ yếu sản xuất, gia công hàng may mặc, địa điểm hoạt động tại Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: VND)**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt	6.444.676.933	10.797.485.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	153.479.162.165	168.092.258.337
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	137.219.711.480	49.824.110.674
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	<i>137.219.711.480</i>	<i>49.824.110.674</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>297.143.550.578</u></b>	<b><u>228.713.854.868</u></b>

**5.2 Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2018			01/01/2018		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Cổ phiếu</i>						
Ngân hàng Quốc Dân (mã ck NVB)	2.000.000.000	1.900.000.000	(100.000.000)	2.000.000.000	1.440.000.000	(560.000.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>1.900.000.000</u></b>	<b><u>(100.000.000)</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>1.440.000.000</u></b>	<b><u>(560.000.000)</u></b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
CANDA	11.402.440.990	11.083.856.521
MOTIVES	88.854.234.747	28.235.125.479
PROMINENT/ITOCHU	4.848.246.706	15.415.427.039
JC PENNY	37.368.558.785	38.194.011.787
ARCADIA	36.819.801.811	35.438.604.139
BMB CLOTHING GROUP	31.002.645.249	41.026.113.023
DEBENHAMS RETAIL	5.842.133.821	11.696.120.262
GENEROS	29.340.037.927	24.262.890.217
PRIMARK	10.568.211.664	30.502.851.190
RIVER	24.501.733.850	11.445.596.543
Công ty TNHH TCT Dệt may Miền Nam - Vinatex	24.104.112.592	57.867.174.827
Phải thu khách hàng khác	482.179.340.000	335.780.010.721
<b>Cộng</b>	<b><u>786.831.498.142</u></b>	<b><u>640.947.781.748</u></b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.4 Phải thu ngắn/dài hạn khác**

**5.4a Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Ứng tiền đầu tư dự án Sóc Trăng	-	8.008.336.539
- Phải thu tiền bảo hiểm xã hội	4.953.197.531	4.126.114.738
- Tạm ứng	3.347.744.194	6.227.693.429
- Ký cược, ký quỹ	200.209.750	2.459.220.750
- Phải thu Công ty LDLK	28.035.602.739	-
- Bùi Thị Mỹ Linh	-	7.000.000.000
- Đặt cọc mặt bằng	436.199.750	2.000.000.000
- Phải thu thuế Thu nhập cá nhân	68.378.741	-
- Phải thu phí XNK	150.000.000	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Đức Linh 2	847.413.953	-
- Phải thu người lao động	402.175.745	-
- Phải thu khác	35.391.603.065	34.443.963.968
<b>Cộng</b>	<b><u>73.832.525.468</u></b>	<b><u>64.265.329.424</u></b>

**5.4b Phải thu dài hạn khác**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Mua đất dự án Long Thới	-	34.296.286.150
Phải thu các công ty LDLK	14.243.212.329	-
Công Ty CP May Phù Cát	6.340.275.000	6.340.275.000
Ký quỹ thuê mặt bằng	2.923.407.047	3.614.053.672
Phải thu khác	-	12.524.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>23.506.894.376</u></b>	<b><u>56.774.614.822</u></b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	277.133.722	-	48.892.418	-
Nguyên liệu, vật liệu	302.581.721.687	(2.480.966.560)	306.038.058.864	-
Công cụ, dụng cụ	1.379.354.460	-	2.744.437.503	-
Chi phí SXKD dở dang	351.492.963.364	-	309.833.325.202	-
Thành phẩm	205.363.699.711	(1.163.307.177)	189.364.154.134	(1.448.196.299)
Hàng hóa	9.572.292.675	-	10.292.167.005	(1.327.544.905)
Hàng gửi đi bán	99.383.806.469	-	76.102.016.962	(394.612.370)
<b>Cộng</b>	<b><u>970.050.972.088</u></b>	<b><u>(3.644.273.737)</u></b>	<b><u>894.423.052.288</u></b>	<b><u>(3.170.353.574)</u></b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)****5.6 Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>715.676.898.379</b>	<b>776.957.728.237</b>	<b>56.305.956.488</b>	<b>17.962.281.225</b>	<b>4.671.498.841</b>	<b>1.571.574.363.170</b>
2. Tăng trong kỳ	11.087.161.258	114.026.778.706	65.231.467.199	562.275.260	-	190.907.682.423
- Tăng do mua mới	4.659.450.744	77.981.926.607	4.276.159.249	562.162.000	-	87.479.698.600
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	5.440.588.177	18.726.256.726	2.605.194.848	-	-	26.772.039.751
- Tăng do điều chuyển nội bộ	910.251.800	14.943.335.956	1.287.802.820	-	-	17.141.390.576
- Tăng khác	76.870.537	2.375.259.417	57.062.310.282	113.260	-	59.514.553.496
3. Giảm trong kỳ	19.374.589.855	94.005.863.171	11.856.671.573	4.750.991.028	30.409.091	130.018.524.718
- Thanh lý, nhượng bán	-	42.170.900.646	10.554.367.674	32.785.758	30.409.091	52.788.463.169
- Giảm do điều chuyển nội bộ	910.251.800	14.943.335.956	1.287.802.820	-	-	17.141.390.576
- Giảm khác(*)	18.464.338.055	36.891.626.569	14.501.079	4.718.205.270	-	60.088.670.973
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>707.389.469.782</b>	<b>796.978.643.772</b>	<b>109.680.752.114</b>	<b>13.773.565.457</b>	<b>4.641.089.750</b>	<b>1.632.463.520.875</b>
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>246.583.993.637</b>	<b>452.236.467.635</b>	<b>32.423.674.504</b>	<b>13.196.801.268</b>	<b>2.638.729.909</b>	<b>747.079.629.876</b>
2. Tăng trong kỳ	34.737.843.258	80.024.628.580	56.982.887.712	1.166.226.594	435.374.128	173.346.960.272
- Khấu hao trong năm	34.681.813.659	75.637.186.843	6.466.013.427	1.097.122.126	419.922.557	118.302.058.612
- Tăng do điều chuyển nội bộ	-	3.480.077.304	3.821.918	-	15.451.571	3.499.350.793
- Tăng khác	56.029.599	907.364.433	50.513.052.367	69.104.468	-	51.545.550.867
3. Giảm trong kỳ	11.408.655.047	76.054.730.054	9.954.715.385	4.137.780.569	-	101.555.881.055
- Thanh lý, nhượng bán	-	35.116.602.187	9.892.633.416	32.785.758	-	45.042.021.361
- Giảm do điều chuyển nội bộ	-	3.415.209.804	3.821.918	64.867.500	-	3.483.899.222
- Giảm khác(*)	11.408.655.047	37.522.918.063	58.260.051	4.040.127.311	-	53.029.960.472
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>269.913.181.848</b>	<b>456.206.366.161</b>	<b>79.451.846.831</b>	<b>10.225.247.293</b>	<b>3.074.104.037</b>	<b>818.870.746.170</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>469.092.904.742</b>	<b>324.721.260.602</b>	<b>23.882.281.984</b>	<b>4.765.479.957</b>	<b>2.032.768.932</b>	<b>824.494.733.293</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>437.476.287.934</b>	<b>340.772.277.611</b>	<b>30.228.905.283</b>	<b>3.548.318.164</b>	<b>1.566.985.713</b>	<b>813.592.774.705</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)****5.7 Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng (VND)
<b>I. NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>19.581.647.983</b>	<b>6.176.445.951</b>	<b>27.010.202.360</b>	<b>90.000.000</b>	<b>52.858.296.294</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	<b>1.578.713.790</b>	<b>144.482.007</b>	<b>2.887.285.797</b>	-	<b>4.610.481.594</b>
Mua trong kỳ	-	99.000.000	1.263.090.000	-	1.362.090.000
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Tăng khác	1.578.713.790	45.482.007	1.624.195.797	-	3.248.391.594
<b>3. Giảm trong năm</b>	<b>1.945.870.230</b>	<b>45.482.007</b>	<b>1.724.195.797</b>	-	<b>3.715.548.034</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	1.945.870.230	45.482.007	1.724.195.797	-	3.715.548.034
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>19.214.491.543</b>	<b>6.275.445.951</b>	<b>28.173.292.360</b>	<b>90.000.000</b>	<b>53.753.229.854</b>
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>2.863.116.488</b>	<b>5.020.133.079</b>	<b>9.874.737.540</b>	<b>90.000.000</b>	<b>17.847.987.107</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	<b>700.896.632</b>	<b>1.169.001.832</b>	<b>4.399.714.565</b>	-	<b>6.269.613.029</b>
Khấu hao trong năm	541.865.852	728.297.848	4.031.034.726	-	5.301.198.426
Tăng khác	159.030.780	440.703.984	368.679.839	-	968.414.603
<b>3. Giảm trong năm</b>	<b>309.572.349</b>	<b>527.710.619</b>	<b>380.367.490</b>	-	<b>1.217.650.458</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	309.572.349	527.710.619	380.367.490	-	1.217.650.458
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.254.440.771</b>	<b>5.661.424.292</b>	<b>13.894.084.615</b>	<b>90.000.000</b>	<b>22.899.949.678</b>
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>16.718.531.495</b>	<b>1.156.312.872</b>	<b>17.135.464.820</b>	-	<b>35.010.309.187</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>15.960.050.772</b>	<b>614.021.659</b>	<b>14.279.207.745</b>	-	<b>30.853.280.176</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

**5.8 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>73.124.459.957</b>		<b>73.027.389.727</b>
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	-	-	33,2%	11.276.421.765
Công ty CP Truyền Thông Nhà Bè	-	-	-	560.000.000
Công ty CP May 9	26,8%	7.235.119.985	26,8%	9.309.182.339
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DV-TM Nhà Bè	28,6%	5.234.324.550	28,6%	4.555.437.024
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,0%	6.005.647.763	30,0%	5.437.696.816
Công ty CP Xây Lấp Công Nghiệp Nhà Bè	30,0%	4.360.043.532	30,0%	4.425.755.477
Công ty CP May Sông Tiền	43,9%	27.807.122.431	43,9%	28.102.008.738
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,0%	5.371.839.772	25,0%	5.360.887.568
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,0%	9.110.361.924	-	-
Công ty CP May Hoài Hương	20,0%	2.000.000.000	-	-
Công ty CP SX-TM-DV Hưng Phát	20,0%	6.000.000.000	20,0%	4.000.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>31.256.863.385</b>		<b>32.595.613.385</b>
Tổng Công ty May Việt Thắng - CT CP	1,9%	5.337.100.000	1,9%	5.337.100.000
Công ty CP ĐT và PT Bình Thắng	18,0%	5.802.843.385	18,0%	5.802.843.385
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,5%	7.161.920.000	6,5%	7.161.920.000
Công ty CP Dệt May Liên Phương	10,9%	3.480.000.000	10,9%	3.480.000.000
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,0%	4.225.000.000	5,0%	4.225.000.000
Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,0%	5.250.000.000	15,0%	5.250.000.000
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè Khác	8,8%	2.794.784.084	-	-
	0,0%	-	0,0%	1.338.750.000
<b>Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(5.000.000.000)</b>		<b>-</b>
Công ty CP SX-TM-DV Hưng Phát		(5.000.000.000)		-
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		<b>1.000.000.000</b>		<b>4.000.000.000</b>
Trái phiếu Công ty CP SX-TM-DV Hưng Phát		1.000.000.000		4.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>103.176.107.426</b>		<b>109.623.003.112</b>

**5.9 Phải trả người bán**

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP May Phù Cát	13.437.749.135	12.010.430.818
Kufner Hong Kong Ltd.	13.352.482.590	7.442.729.479
Motives (Far East) Ltd.	13.144.406.811	7.561.243.477
Phải trả các nhà cung cấp khác	354.755.105.025	331.762.437.696
<b>Cộng</b>	<b>394.689.743.561</b>	<b>358.776.884.571</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)****5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

	01/01/2018		31/12/2018	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	11.710.302.726	-	20.449.383.614	859.696.438
Thuế xuất, nhập khẩu	9.430.344	1.726.770.076	151.529.181	1.720.079.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.969.662.503	-	6.265.771.715	952.657.516
Thuế thu nhập cá nhân	3.013.742.162	-	3.125.746.806	-
Thuế tài nguyên	-	-	5.315.780	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.184.285.000	4.367.895.400	1.207.250.000	5.896.545.424
Các loại thuế khác	-	-	1.153.199	60.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	540.256.667	44.099.138	284.050.070	-
Thuế nhà thầu	161.280.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.588.959.401</b>	<b>6.138.764.614</b>	<b>31.490.200.364</b>	<b>9.429.038.983</b>

**5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
- Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	22.743.790.497	16.856.673.709
- Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	2.122.109.612	16.121.344.450
- Chi phí điện, nước, vận chuyển	5.892.442.470	6.380.608.250
- Trích trước chi phí lãi vay	-	3.973.484.720
- Chi phí xe đưa đón công nhân	121.680.000	1.539.113.572
- Chi phí ăn ca	222.312.200	-
- Chi phí phải trả khác	1.403.140.124	3.049.503.016
<b>Cộng</b>	<b>32.505.474.903</b>	<b>47.920.727.717</b>

**5.12 Phải trả khác**

	31/12/2018	01/01/2018
- Tài sản thừa chờ giải quyết	86.812.874	54.949.638
- Kinh phí công đoàn	10.901.915.848	11.097.332.111
- Bảo hiểm xã hội	9.392.314.954	11.270.125.627
- Bảo hiểm y tế	4.347.383.783	3.149.094.975
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.334.412.906	1.320.273.204
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	724.287.310	11.668.183.526
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.031.315.491	22.153.338.096
<b>Cộng</b>	<b>59.828.443.166</b>	<b>60.723.297.177</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn****5.13a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.628.248.021.835</b>	<b>1.507.428.244.564</b>
NH Ngoại Thương VN (VCB)	744.168.611.752	679.420.741.188
NH VIB	-	925.551.853
NH Á Châu (ACB)	96.104.957.386	-
NH Far East National Bank (SINOPAC)	46.229.558.646	60.451.798.443
NH TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - Nam SG	78.882.455.781	345.235.459.034
NH Đông nam Á - CN Chợ Lớn	229.383.479.508	-
NH Standard Chartered	47.295.185.059	8.109.876.423
NH Công Thương VN - TP.HCM	199.205.402.303	214.278.529.715
Vay ngắn hạn tại các Công ty con	186.978.371.400	199.006.287.908
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>33.753.014.791</b>	<b>33.267.998.378</b>
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD	17.426.250.000	19.643.040.000
NH Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	2.724.000.000	4.445.672.000
Ngân hàng Công Thương VN CN4- VND	9.862.634.276	8.027.119.774
Ngân hàng Công Thương VN CN4- USD	3.740.130.515	1.152.166.604
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.662.001.036.626</b>	<b>1.540.696.242.942</b>

**5.13b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Ngân hàng Công Thương VN CN4-VNĐ	28.156.821.929	29.920.280.942
Ngân hàng Công Thương VN CN4-USD	13.318.956.490	3.686.932.675
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-VNĐ	2.696.000.000	5.420.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương VN (VCB)-USD	16.031.435.000	33.443.185.000
Vay dài hạn tại các Công ty con	275.572.912.180	273.772.440.532
<b>CỘNG</b>	<b>335.776.125.599</b>	<b>346.242.839.149</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.14 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>45.373.475.832</b>	<b>86.181.559.544</b>	<b>80.717.249.000</b>	<b>394.272.284.376</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>461.005.896</b>	<b>52.820.555.379</b>	<b>38.051.469.124</b>	<b>91.333.030.399</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	52.820.555.379	5.563.405.728	58.383.961.107
Phân phối lợi nhuận	-	459.950.737	-	-	459.950.737
Tăng do hợp nhất	-	1.055.159	-	32.488.063.396	32.489.118.555
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>160.406.083</b>	<b>75.669.160.778</b>	<b>12.552.424.243</b>	<b>88.381.991.104</b>
Chia cổ tức	-	-	56.082.207.860	8.785.546.416	64.867.754.276
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	459.950.737	438.644.949	898.595.686
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	15.264.514.377	3.028.426.692	18.292.941.069
Giảm do hợp nhất	-	-	3.667.540.304	-	3.667.540.304
Giảm khác	-	160.406.083	194.947.500	299.806.186	655.159.769
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>45.674.075.645</b>	<b>63.332.954.145</b>	<b>106.216.293.881</b>	<b>397.223.323.671</b>
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>45.674.075.645</b>	<b>63.332.954.145</b>	<b>106.216.293.881</b>	<b>397.223.323.671</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>767.503.910</b>	<b>92.941.121.061</b>	<b>25.496.997.947</b>	<b>119.205.622.918</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	74.639.878.440	12.525.636.390	87.165.514.830
Phân phối lợi nhuận	-	767.503.910	-	-	767.503.910
Tăng do hợp nhất	-	-	18.301.242.621	12.971.361.557	31.272.604.179
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>40.101.521</b>	<b>62.039.203.571</b>	<b>17.199.879.525</b>	<b>79.239.083.097</b>
Chia cổ tức	-	-	45.500.000.000	13.187.191.085	58.687.191.085
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.562.055.017	1.238.933.367	2.800.988.384
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	14.977.148.554	2.773.755.074	17.750.903.628
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	40.101.521	450.767.273	427.333.544	-
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>46.401.478.034</b>	<b>94.234.871.636</b>	<b>114.513.412.303</b>	<b>437.149.761.972</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam	27.69%	50.400.000.000	27.69%	50.400.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	72.31%	131.600.000.000	72.31%	131.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>182.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Năm 2017
<b>Vốn góp tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 30 tháng 12</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.500.000.000	45.500.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>18.200.000</b>	<b>18.200.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	10.000	10.000

**5.15 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.955.298.353.656</b>	<b>4.229.682.276.253</b>
- Doanh thu bán hàng	4.857.274.024.201	4.221.144.192.753
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.024.329.455	-
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	8.538.083.500
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>23.046.464.706</b>	<b>12.664.916.056</b>
- Chiết khấu thương mại	-	2.085.500
- Giảm giá hàng bán	3.081.863.364	1.597.933.241
- Hàng bán bị trả lại	19.964.601.342	11.064.897.315
<b>Doanh thu thuần bán hàng, dịch vụ</b>	<b>4.932.251.888.950</b>	<b>4.217.017.360.197</b>

**5.16 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	3.914.656.069.939	3.342.517.621.722
Giá vốn cung cấp dịch vụ	37.447.110.364	-
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	2.325.331.333
<b>Cộng</b>	<b>3.952.103.180.303</b>	<b>3.344.842.953.055</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.17 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.313.757.891	2.475.560.226
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.220.031.000	3.296.080.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.918.200.110	16.492.743.149
Lãi thanh lý công ty con, LDLK	22.906.049.298	2.893.384.981
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	480.026.296
<b>Cộng</b>	<b>64.358.038.299</b>	<b>25.637.795.252</b>

**5.18 Chi phí tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền vay	81.580.498.550	57.459.836.189
Dự phòng đầu tư tài chính	4.540.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.496.589.376	13.105.907.041
Khác	1.481.309.887	6.036.200
<b>Cộng</b>	<b>145.098.397.813</b>	<b>70.571.779.430</b>

**5.19 Chi phí bán hàng**

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên	76.374.003.619	73.338.964.751
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.226.781.106	4.597.710.827
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	4.279.230.154	5.413.442.376
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.469.292.691	2.241.616.481
Thuế phí và lệ phí	147.081.634	153.663.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.901.735.234	227.168.672.793
Chi phí bằng tiền khác	30.454.925.539	29.215.229.378
<b>Tổng</b>	<b>365.853.049.977</b>	<b>342.129.300.493</b>

**5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	271.122.109.390	261.152.533.317
Chi phí vật liệu quản lý	17.811.042.255	16.293.941.849
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.564.116.482	10.321.853.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	28.272.720.956	34.049.091.811
Thuế phí và lệ phí	5.166.066.205	4.377.042.070
Chi phí dự phòng	546.709.701	691.147.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.740.124.455	48.892.576.744
Chi phí bằng tiền khác	45.776.451.067	47.214.094.809
<b>Tổng</b>	<b>431.999.340.512</b>	<b>422.992.281.461</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.21 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Năm 2018	Năm 2017
<b>Thu nhập khác</b>	<b>23.247.637.867</b>	<b>26.939.009.796</b>
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	1.597.441.266	7.145.666.299
Thanh lý nguyên vật liệu	1.679.506.417	625.818.178
Xử lý công nợ	-	9.155.149.195
Thu nhập từ xuất nhập khẩu và giao nhận	2.617.835.000	-
Thu nhập khác	17.352.855.184	10.012.376.124
<b>Chi phí khác</b>	<b>9.987.844.558</b>	<b>10.835.962.704</b>
Chi phí từ xuất nhập và giao nhận	2.398.277.550	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	15.729.377	141.436.378
Các khoản bị phạt	1.560.193.104	1.591.476.793
Các khoản khác	6.013.644.527	9.103.049.533
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>13.259.793.309</b>	<b>16.103.047.092</b>

**5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	74.639.878.440	52.820.555.379
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(11.958.609.848)	(11.840.327.186)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	62.681.268.592	40.980.228.193
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.444</b>	<b>2.252</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch với bên liên quan**

**6.1.a Giao dịch với cổ đông lớn**

<b>Bên Liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Trả cổ tức	12.600.000.000	12.600.000.000

**6.1.b Giao dịch với Công ty Liên doanh, liên kết**

*Giao dịch Tổng Công ty May Nhà Bè bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:*

<b>Bên Liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
Công ty CP May Sông Tiền	Điện, ăn, nước	18.720.000	47.943.590
	Khác	27.450.000	24.000.000
	Nguyên Phụ Liệu	355.281.636	67.335.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Điện, ăn, nước	149.365.359	37.790.042
	Quần áo	7.727.250	35.145.456
	Tiền thuê nhà	429.922.155	359.713.650



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

	Khác	126.593.250	44.040.419
Công ty CP Xây lắp	Điện, ăn, nước	52.454.101	27.044.000
Công Nghiệp Nhà Bè	Quần áo	24.131.818	10.058.182
	Tiền thuê nhà	352.096.350	-
	Khác	17.180.000	3.340.000
Công ty CP Tư vấn	Quần áo	8.554.545	-
Công Nghệ Nhà Bè	Điện, ăn, nước	99.949.735	2.799.550
	Tiền thuê nhà	599.280.000	-
Công ty TNHH May	Khác	7.100.000	70.384.424
Vinatex Tư Nghĩa	Thiết bị các loại	-	7.737.025.237
	Quần áo	16.123.636	22.985.455
	Nguyên Phụ Liệu	-	34.448.863

*Giao dịch Tổng Công ty May Nhà Bè mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ của các bên liên quan:*

Công ty liên doanh, liên kết	Nội dung giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Phí vận chuyển	52.468.382.064	48.222.390.850
	khác	144.502.942.927	101.621.323.096
Cty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Thiết bị các loại	18.469.532.000	36.345.919.770
	Dịch vụ bảo trì	5.800.000	1.600.000
	khác	9.540.000	47.850.000
	Văn Phòng Phẩm	9.700.000	14.022.000
	Sửa chữa	11.100.000	13.300.000
Cty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	Gia công	-	1.097.110.383
	Thiết bị các loại	450.000.000	3.200.000
	Công cụ, dụng cụ	-	46.200.000
Cty CP May Sông Tiền	Gia công	1.062.714.147	9.114.588.723
Cty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Thiết bị các loại	3.073.963.475	5.843.269.926
	khác	3.214.602.100	535.547.356
	Sửa chữa	81.758.408	12.135.501.607

**6.2 Số dư với bên liên quan**

Công ty liên doanh liên kết	Nội dung giao dịch	31/12/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Phải thu khách hàng	32.549.000	45.734.425
	Phải thu khác	12.767.377	-
	Phải trả người bán	510.103.550	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Phải thu khách hàng	137.088.770	93.577.193
	Phải thu khác	192.572.430	-
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Phải thu khách hàng	-	5.484.800
	Phải trả người bán	3.422.124	-
Công Ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Phải thu khách hàng	54.934.000	54.934.000
	Phải thu khác	14.871.611	-
	Phải trả người bán	3.549.059.250	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**6.3 Thông tin so sánh khác**

Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Chênh lệch năm 2018 so năm 2017	Tỷ lệ tăng (%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	58.383.961.107	87.165.514.830	28.781.553.723	149,30%

Nay Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần giải trình nguyên nhân như sau:  
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất năm 2018 tăng 149,3% so với năm 2017 là do ảnh hưởng từ kết quả kinh doanh của các công ty con như Công ty CP May Nhà Bè – Hậu Giang, Công ty CP May Gia Phúc tăng lãi so với năm 2017 và ảnh hưởng của việc thoái vốn Công ty CP May Gia Phúc và Công ty CP Phú Thịnh Nhà Bè

Vì vậy, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất năm 2018 so với năm 2017 có sự thay đổi như trên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

**Đặng Minh Tuyên**

Trưởng phòng kế toán

**Huỳnh Văn Phát**

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Ngọc Lân**

